|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA** | | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | | |
| **KHOA LÂM NGHIỆP – ĐỊA CHÍNH** | | | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** | | |
|  |  |  |  |  |  |
|  | | | *Sơn La, ngày 24 tháng 12 năm 2021* | | |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện công tác tự đảm bảo chất lượng tháng 12/2021**

Căn cứ số 154/KH-CĐSL ngày 20/7/2021 của Trường Cao đẳng Sơn La về việc tự đảm bảo chất lượng năm học 2021 – 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 06/KH-LNĐC ngày 10/8/2021 của Khoa Lâm nghiệp – Địa chính về việc tự đảm bảo chất lượng năm học 2021 – 2022.

Khoa Lâm nghiệp – Địa chính báo cáo kết quả tự đảm bảo chất lượng tháng 12 năm 2021 như sau:

**1. Báo cáo tiến độ công việc**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Công việc** | **Minh chứng** | **Ghi chú** |
| **1** | **Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính** | | |
| **2** | **Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo** | | |
|  | ***Tiêu chuẩn 2.1:*** Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo. | | |
|  | - Thu hồ sơ đăng ký học của thí sinh.  - Thực hiện thi, xét hồ sơ tuyển sinh của các thi sinh; lập danh sách trúng tuyển trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh phê duyệt.  - Xây dựng kế hoạch tiếp sinh.  - Tiến hành chia lớp và thành lập lớp học ổn định.  - Tiến hành lập Tổ thanh tra tuyển sinh và tiến hành thanh tra công tác tuyển sinh hàng năm. | \* Lưu trữ các minh chứng cũ  \* Thu thập các minh chứng mới  - Báo cáo kết quả tuyển sinh và tốt nghiệp năm 2021 số 216/BC-CĐSL ngày 03/12/2021  - Thông báo tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp 2021 (đợt 7) số 292A/TB-HĐTS ngày 14/9/2021  - Thông báo tuyển sinh trình độ cao đẳng năm 2021 (đợt 8) số 312/TB-HĐTS ngày 14/9/2021 |  |
| **3** | **Tiêu chí 3:Nhà giáo, CBQL và NV** | | |
|  | ***Tiêu chuẩn 3.6:*** 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định. | | |
|  | - Lập danh sách nhà giáo cơ hữu (*trực tiệp giảng dạy chương trình được kiểm định*) được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dung lao động.  - Thu thập báo cáo kết quả của nhà giáo cơ hữu *(trực tiệp giảng dạy chương trình được kiểm định)* đi bồi dưỡng thực tập tại đơn vị sử dụng lao động | \* Lưu trữ các minh chứng cũ  \* Thu thập các minh chứng mới  - Danh sách nhà giáo cơ hữu được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm.  - Báo cáo kết quả của nhà giáo cơ hữu đi bồi dưỡng, thực tập ở cơ sở sử dụng lao động. |  |
| **4** | **Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình** | | |
|  | ***Tiêu chuẩn 4.1***: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | | |
|  | - Thu thập quyết định thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.  - Thu thập Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.  - Tiến hành thẩm định chương trình đào tạo. | \* Lưu trữ các minh chứng cũ  \* Thu thập các minh chứng mới  - Quyết định thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng số 585 |  |
|  | ***Tiêu chuẩn 4.2***: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo. | | |
|  | - Soạn thảo công văn mời đơn vị sử dụng lao động tham gia xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo.  - Thu thập quyết định thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.  - Thu thập Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng. | \* Lưu trữ các minh chứng cũ  \* Thu thập các minh chứng mới  - Công văn mời đơn vị sử dụng lao động tham gia xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.  - Quyết định thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng. |  |
|  | ***Tiêu chuẩn 4.3***: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. | | |
|  | - Thu thập Quyết định ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo (*chương trình được kiểm định*).  - Thu thập chương trình chi tiết của ngành/nghề (*chương trình được kiểm định).* | \* Lưu trữ các minh chứng cũ  \* Chưa có minh chứng mới |  |
|  | ***Tiêu chuẩn 4.4***: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. | | |
|  | - Thu thập Quyết định ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo (*chương trình được kiểm định*).  - Thu thập chương trình chi tiết của ngành/nghề (*chương trình được kiểm định).* | \* Lưu trữ các minh chứng cũ  \* Chưa có minh chứng mới |  |
|  | ***Tiêu chuẩn 4.5***: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. | | |
|  | - Thu thập Quyết định ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo (*chương trình được kiểm định*).  - Thu thập chương trình chi tiết của ngành/nghề (*chương trình được kiểm định).* | \* Lưu trữ các minh chứng cũ  \* Chưa có minh chứng mới |  |
|  | ***Tiêu chuẩn 4.6***: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | | |
|  | - Thu thập Quyết định ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo (*chương trình được kiểm định*).  - Thu thập chương trình chi tiết của ngành/nghề (*chương trình được kiểm định).* | \* Lưu trữ các minh chứng cũ  \* Chưa có minh chứng mới |  |
|  | ***Tiêu chuẩn 4.7:*** Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. | | |
|  | - Thu thập Quyết định ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo (*chương trình được kiểm định*).  - Thu thập chương trình chi tiết của ngành/nghề (*chương trình được kiểm định).* | \* Lưu trữ các minh chứng cũ  \* Chưa có minh chứng mới |  |
|  | ***Tiêu chuẩn 4.9:*** Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | | |
|  | - Thu thập Quyết định ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo (*chương trình được kiểm định*).  - Thu thập chương trình chi tiết của ngành/nghề (*chương trình được kiểm định).*  - Lập danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo được kiểm định (*trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành*).  - Thu thập bản in giáo trình ứng với danh sách thống kê giáo trình thực hiện chương trình đào tạo được kiểm định. | \* Lưu trữ các minh chứng cũ  \* Thu thập minh chứng mới  – Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Quản lý đất đai được kiểm định.  – Danh mục bản in giáo trình ứng với danh sách thống kê giáo trình thực hiện chương trình đào tạo Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Quản lý đất đai được kiểm định |  |
|  | ***Tiêu chuẩn 4.10:*** 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | | |
|  | - Thu thập danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo được kiểm định (*trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành*).  - Thu thập bản in giáo trình ứng với danh sách thông kế giáo trình có tại thư viện thực hiện chương trình đào tạo được kiểm định.  - Thu thập Quyết định ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo (*Lần đầu)* của chương trình đào tạo được kiểm định.  - Thu thập chương trình chi tiết ngành đào tạo của chương trình được kiểm định.  - Thu thập Quyết định ban hành chương trình sau khi có thay đổi (*chỉnh sửa)* và chương trình chi tiết kèm theo.  - Lập danh mục bản in giáo trình trước và sau khi thay đổi CT đối với chương trình được kiểm định. | \* Lưu trữ các minh chứng cũ  \* Thu thập minh chứng mới  – Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Quản lý đất đai được kiểm định.  – Danh mục bản in giáo trình ứng với danh sách thống kê giáo trình thực hiện chương trình đào tạo Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Quản lý đất đai được kiểm định kiểm định. |  |
|  | ***Tiêu chuẩn 4.11:*** Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. | | |
|  | - Thu thập Quyết định ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo (*chương trình được kiểm định*).  - Thu thập chương trình chi tiết của ngành/nghề (*chương trình được kiểm định).*  - Thu thập danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo được kiểm định (*trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành*).  - Thu thập bản in giáo trình ứng với danh sách thông kế giáo trình có tại thư viện thực hiện chương trình đào tạo được kiểm định.  - Thu thập Biên bản thẩm định giáo trình thực hiện chương trình được kiểm định của HĐ thẩm định. | \* Lưu trữ các minh chứng cũ  \* Chưa có minh chứng mới |  |
|  | ***Tiêu chuẩn 4.12:*** Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | | |
|  | - Thu thập Quyết định ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo (*chương trình được kiểm định*).  - Thu thập chương trình chi tiết của ngành/nghề (*chương trình được kiểm định).*  - Thu thập danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo được kiểm định (*trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành*).  - Thu thập bản in giáo trình ứng với danh sách thông kế giáo trình có tại thư viện thực hiện chương trình đào tạo được kiểm định.  - Thu thập Biên bản thẩm định giáo trình thực hiện chương trình được kiểm định của Hội đồng thẩm định. | \* Lưu trữ các minh chứng cũ  \* Thu thập minh chứng mới  – Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo ngành/nghề Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Quản lý đất đai được kiểm định.  – Danh mục bản in giáo trình ứng với danh sách thông kế giáo trình có tại thư viện thực hiện chương trình đào tạo Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Quản lý đất đai được kiểm định. |  |
| **5** | **Tiêu chí 5 – Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện** | | |
|  | ***Tiêu chuẩn 5.6:*** Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | | |
|  | - Lập bảng kê danh mục chương trình, giáo trình đã được nhà trương phê duyệt ban hành (*tên chương trình/giáo trình, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số bản in, bản điện tử)*.  - Tiến hành thu thập bản in chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt.  - Lập bảng kê danh mục bản in giáo trình, chương trình có tại thư viện  - Tiến hành thu thập và lập bảng kê danh mục sách, tạp chí, tài liệu tham khảo hàng năm (*tên, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số lượng bản in, bản điện tử).*  - Lập danh sách thống kê số lượng người học lớn nhất của chương trình được kiểm định hàng năm.  - Tiến hành số hóa giáo trình và lập danh mục giáo trình đã được số hóa.  - Tiến hành số hóa tài liệu tham khảo và lập danh mục tài liệu tham khảo được số hóa.  - Tiến hành khảo sát người học, nhà giáo về giáo trình phục vụ chương trình được kiểm định tại thư viện. | \* Lưu trữ các minh chứng cũ  \* Chưa có minh chứng mới |  |
| **6** | **Tiêu chí 6 – Dịch vụ cho người học** | | |
| **7** | **Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng** | | |

**2. Đề xuất, kiến nghị: Không**

Trên đây là báo cáo công tác tự đảm bảo chất lượng tháng 12 năm học 2021-2022 của khoa Lâm nghiệp – Địa chính kính báo cáo Ban Giám hiệu và các phòng ban liên quan/.

|  |
| --- |
| **PHỤ TRÁCH KHOA** |
| **Hoàng Thị Hồng Nghiệp** |